

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 09/8/2017
V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Chiến;**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ngân;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thụy Hải Yến**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Ông **Võ Minh Mẫn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị L**, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **Cao Văn T**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị L và anh T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

Chị và anh Cao Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm

1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 9/2016 giữa anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, không còn chăm lo cho gia đình. Xét thấy vợ chồng liên tục xảy ra bất hòa, kéo dài hôn nhân cũng không có hạnh phúc nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Văn L, sinh năm 1989 và Cao Thị H, sinh năm 1992; hiện 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

Đối với bị đơn là anh Cao Văn T, trong quá trình làm việc tại tòa án, tại bản tự khai ngày 26/6/2017 anh thống nhất thời gian chung sống như chị L trình bày. Anh cũng thống nhất rằng thời gian đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng ý kiến. Anh T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nên nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Văn L, sinh năm 1989 và Cao Thị H, sinh năm 1992; hiện 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự.

- *Về nội dung*: Yêu cầu HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Thị L và anh Cao Văn T. Về con chung chị L và anh T xác định đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải quyết nên

không đặt ra giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

*** Về nội dung vụ án:**

Xét thấy chị Đoàn Thị L và anh Cao Văn T chung sống vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Chị L cho rằng hôn nhân giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, liên tục xảy ra bất hòa. Anh Cao Văn T cũng xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, hôn nhân giữa anh chị không còn hòa hợp. Cho thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L làm đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc chị L và anh T chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T không có giá trị pháp lý nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh T xác định 02 con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nợ chung: Chị L và anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét.

Chị Đoàn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Cao Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 53; Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Đoàn Thị L đối với anh Cao Văn T.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Đoàn Thị L và anh Cao Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung và tài sản chung, nợ chung:

Về con chung: Chị Đoàn Thị L và anh Cao Văn T xác định các con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị Đoàn Thị L và anh Cao Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đoàn Thị L và anh Cao Văn T xác định không có.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017549 ngày 10/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Tây Ninh;

-VKSND huyện Châu Thành;

-Chi cục THADS huyện Châu Thành;

-Các Đ/s;

-Lưu tập QĐ; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)**

Nguyễn Văn Bình